

Số: 1600/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D-Lô 3, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D-Lô 3, phường Quyết Tiến;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 652/TTr-TNMT ngày 09/12/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 đối với các hộ gia đình: Ông Vũ Minh Thường - Cư trú tại Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; ông Vũ Đình Ngũ – Cư trú tại: Tổ 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu và ông Phạm Thế Cường – Cư trú tại: Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu (đồng quyền sử dụng đất), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: **153.227.729 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:





- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Tiến.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì các hộ gia đình ông: Vũ Minh Thường, Vũ Đình Ngũ, Phạm Thế Cường có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**





**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ( bổ sung lần 3)****Dự án: Xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4 D- Lô 3, phường Quyết Tiến**Kèm theo Quyết định số: 1600/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>1</b>	<b>Vũ Minh Thường, Vũ Đình Ngũ, Phạm Thế Cường (Đồng quyền sử dụng đất)</b>				
	Địa chỉ: Ông Vũ Minh Thường - Địa chỉ: Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu; Ông Vũ Đình Ngũ - Địa chỉ: Tổ 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu; Ông Phạm Thế Cường - Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu.				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>153.227.729</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>39.094.380</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	233,8		
2	Loại đất				
	Đất ở đô thị (đường Nguyễn Trãi đoạn từ tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng đến tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can)	m <sup>2</sup>	30	1.092.000	32.760.000
	Đất trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	203,8	36.000	7.336.800
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m <sup>2</sup>	30,0	-27.300	-819.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m <sup>2</sup>	203,8	-900	-183.420
	Vị trí: VT1				
	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn Dũng và bà Lê Thị Thảo ngày 03/9/2013 (chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định). Đất của ông bà Dũng Thảo được cấp giấy CNQSD đất số BD590345 ngày 16/3/2012. Đối chiếu giữa bản đồ đo đạc thu hồi với GCNQSD đất số BD590345 UBND phường nhận thấy diện tích đo đạc thu hồi giảm 15,6m<sup>2</sup> so với diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất trên, nguyên nhân do tại thời điểm cấp GCNQSD đất trên: Thửa đất chưa được đo đạc chính xác theo bản đồ địa chính, hiện tại các chủ sử dụng đất sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đối chiếu bản đồ đo đạc thu hồi và bản đồ địa chính có phần diện tích chồng lấn như sau: có 5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 102, TBĐ 33 và 2,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 51, TBĐ 32 đang quy chủ DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý và 0,69 m<sup>2</sup> thuộc thửa 66, TBĐ 27 đang quy chủ cho ông Vũ Đức Thuận, tất cả diện tích đất chồng lấn này hiện trạng do 03 hộ đồng sử dụng sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, có cùng nguồn gốc với GCNQSD đất trên, nguyên nhân là sai số do các lần đo đạc.</p>				







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
b	<b>Tài sản, VKT</b> (Xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo Mục c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)(Nhà ở, tài sản vật kiến trúc do gia đình ông Dũng xây dựng năm 2011 thời điểm xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Gia đình ông Dũng chuyển nhượng tài sản, vật kiến trúc cho 3 hộ đồng sử dụng (Thường, Ngũ, Cường) cùng thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 3/9/2013 hiện 3 hộ sử dụng ổn định không tranh chấp)				108.841.349
1	Nhà xây gạch bi tường 12 cm lợp tôn nền lát gạch liên doanh, trần thạch cao, hiên BTCT (9,6*7) cao 3,9 m (đơn giá Trần thạch cao-đơn giá trần nhựa: 180.000-120.340) có kết cấu theo điểm 3 mục 2.6 Quyết định 30/2017	m <sup>2</sup>	67,2	971.980	65.317.056
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (7*2,9)	m <sup>2</sup>	20,3	167.200	3.394.160
3	Nền lát gạch liên doanh (2,5*6,8)	m <sup>2</sup>	17	71.500	1.215.500
4	Cửa sắt xếp (3,5*2,6) tính bằng cấu kiện sắt thép	m <sup>2</sup>	9,1	412.500	3.753.750
5	Bể nước nắp BTCT xây gạch đồ tường 1 cm đựng nước sinh hoạt (3,1*2,5*2)	m <sup>3</sup>	15,5	378.950	5.873.725
6	Khung thép (1,7*1,6)	m <sup>2</sup>	2,72	98.200	267.104
8	Nhà tắm xây hoàn chỉnh mái BTCT tường 22 xây gạch đồ lát gạch liên doanh (1,7*3,8)	m <sup>2</sup>	6,46	933.900	6.032.994
9	Bể phốt xây gạch bi tường 12cm (2*1,7*1,5)	m <sup>2</sup>	5,1	358.105	1.826.336
10	Nóng lạnh	Cái	1	72.600	72.600
11	xí bệt	Cái	1	550.000	550.000
12	Chậu rửa hỗ trợ di chuyển bằng bồn tắm I nóc	Cái	1	72.600	72.600
13	Bán mái xây gạch bi tường 12cm, lợp tôn, nền láng VXM cao 2.7m (2,8*2)	m <sup>2</sup>	5,6	281.600	1.576.960
16	Tấm đan BTCT (1,5*5,5*0,1)+(3,3*0,6*0,1)	m <sup>2</sup>	1,023	696.850	712.878
17	Tấm đan BTCT (0,5*0,8*0,1)*4	m <sup>2</sup>	0,16	696.850	111.496
18	Nhà xây gạch bi tường 12 cm lợp PRXM nền lát gạch liên doanh, trần nhựa, không hiên (4,2*3,3) (cao 2,5m)	m <sup>2</sup>	13,86	740.520	10.263.607





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<i>Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo Mục c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)(Nhà ở, tài sản vật kiến trúc do gia đình ông Dũng xây dựng năm 2011 thời điểm xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Gia đình ông Dũng chuyển nhượng tài sản, vật kiến trúc cho 3 hộ đồng sử dụng (Thường, Ngũ, Cường) cùng thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 3/9/2013 hiện 3 hộ sử dụng ổn định không tranh chấp)</i>				
7	Tường xây gạch bi tường 12cm (3*1,6)	m <sup>2</sup>	4,8	127.600	612.480
14	Kè xây bằng đá (7*0,8*2,7)	m <sup>2</sup>	15,12	392.700	5.937.624
15	Tường xây gạch bi tường 12cm (1,4*7)	m <sup>2</sup>	9,8	127.600	1.250.480
	<b>Phần Tài sản đã bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà Phạm Thị Ngọc tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 03/2/2009 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ TĐC dự án: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 4D đoạn Km0-Km89 tỉnh Lai Châu (gói thầu số 3 lý trình Km26+500-Km29+500) này không đủ điều kiện bồi thường</b>				
19	Nhà xây gạch đồ tường 11 cm mái đồ BTCT nền láng VXM cao 4m (8*6,7)	m <sup>2</sup>	53,6		-
20	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp PRXM nền láng VXM cao 2,5m (2,7*5,6)	m <sup>2</sup>	15,12		-
21	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp PRXM nền láng VXM cao 2,4 m (2*3,6)	m <sup>2</sup>	7,2		-
22	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm (1,5*1,5*1,5)	m <sup>2</sup>	3,375		-
23	Bóc tách nhà vệ sinh				
23.1	Trường xây gạch bi tường 12cm (6*1,8)	m <sup>2</sup>	10,8		-
23.2	Tấm đan BTCT (1,4*1,4*0,1)	m <sup>2</sup>	0,196		-
23.3	xí xôm	cái	1		-
23.3	Ốp gạch liên doanh (1,4*1,4)	m <sup>2</sup>	1,96		-
24	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1*7,3)	m <sup>2</sup>	7,3		-
25	Tường xây gạch bi tường 12cm (6,5*1,2)	m <sup>2</sup>	7,8		-
26	Kè xây bằng đá (1,5*0,3*6,5)	m <sup>2</sup>	2,925		-
27	Nóng lạnh	Cái	1		-
28	Ống nhựa PPR Φ 20	m	10		-
29	Nhà tắm xây hoàn chỉnh mái BTCT tường 22 xây gạch đồ lát gạch liên doanh (1,3*1,6)	m <sup>2</sup>	2,08		-
30	Tấm đan BTCT (0,5*0,1*4)	m <sup>3</sup>	0,2		-
31	Ốp gạch liên doanh (0,5*4)	m <sup>2</sup>	2		-





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
32	Ống nhựa PVC Φ 110	m	20		-
33	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,3*4,5)	m <sup>2</sup>	23,9		-
34	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,3*4,5)	m <sup>2</sup>	23,9		-
35	Bậc tam cấp xây gạch (0,7*0,15*2,7)*7	m <sup>3</sup>	1,98		-
36	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp tôn nền láng VXM (4*3,2)	m <sup>2</sup>	12,8		-
37	Kè xây bằng đá (7*1*0,5)	m <sup>2</sup>	3,5		-
38	Tường xây gạch bi tường 12cm (7*1,2)	m <sup>2</sup>	8,4		-
39	Bể nước xây gạch bi tường 12cm nắp BT (1,6*1,2*1,2)	m <sup>2</sup>	2,304		-
40	Tôn Quây (5*1,2)	m <sup>2</sup>	6		-
41	Hàng rào khung thép (12*1,1)	m <sup>2</sup>	13,2		-
42	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (12*1,6)	m <sup>2</sup>	19,2		-
43	Trát VXM không đánh màu (12*1,6)	m <sup>2</sup>	19,2		-
44	Cổng hoa sắt (2,2*2,2)	m <sup>2</sup>	4,84		-
45	Nền BT đá dăm dày 10cm (3,3*1,3)	m <sup>2</sup>	4,29		-
46	Bể xây gạch đỏ tường 11cm không nắp (2,3*2,1*1,5)	m <sup>2</sup>	7,245		-
47	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,3*4,5)	m <sup>2</sup>	23,85		-
<b>b</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				<b>5.292.000</b>
1	Chậu cây cảnh (hỗ trợ di chuyển)	Chậu	43,0	24.000	1.032.000
2	Cây nhân bán kính phát tán >4m	Cây	4,0	900.000	3.600.000
3	Cây mít bán kính phát tán >4	Cây	1,0	660.000	660.000

M CHAI

